

Bản án số: 101/2023/HNGĐ-ST
Ngày 11-9-2023
“V/v Ly hôn giữa chị L và anh Đ”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thơm

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thu Trang và ông Phạm Đức Hoài.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mau - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tham gia phiên tòa: Ông Trang Minh Tú - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 165/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 205/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Võ Thị Bé L**, sinh năm 1994

Địa chỉ: Ấp m, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt)

2. Bị đơn: **Anh Nguyễn Thanh Đ**, sinh năm 1986

Địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những ý kiến tại Tòa án chị Võ Thị Bé L trình bày như sau:

Chị Võ Thị Bé L (Gọi tắt là chị L) và anh Nguyễn Thanh Đ (Gọi tắt là anh Đ) chung sống với nhau vào năm 2012 hôn nhân tự nguyện được gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương và thực hiện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tây Yên, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang vào ngày 06/4/2018.

Vợ chồng chung sống đến năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, hôn nhân

không còn hạnh phúc do anh Đ thường xuyên có hành vi bạo hành vợ, dùng nhiều lời lẽ chửi bới xúc phạm chị L, không chung thủy với vợ mà công khai có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Đến nay vợ chồng không còn tìm được tiếng nói chung và không thể duy trì hôn nhân nên chị L xin được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chị L xác định vợ chồng có hai con chung tên Nguyễn Ngọc Khả V, sinh ngày 25/8/2013 và Nguyễn Ngọc Mộng N, sinh ngày 03/5/2017 hiện tại đang sống chung với chị L. Khi ly hôn chị L xin được quyền nuôi hai con chung không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Chị L xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa - bị đơn anh Nguyễn Thanh Đ vắng mặt, không có yêu cầu phản tố và không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu xin ly hôn của chị Võ Thị Bé L.

Ý kiến trình bày của con chung: Cháu Nguyễn Ngọc Khả V, sinh ngày 25/8/2013 có nguyện vọng được sống với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn.

Về chứng cứ: Nguyên đơn cung cấp Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); giấy căn cước công dân và sổ hộ khẩu (Bản công chứng); giấy khai sinh của con chung vợ chồng (bản sao); Bị đơn không cung cấp chứng cứ.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định, bị đơn anh Đ có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị L được ly hôn với anh Đ; về con chung giao các con chung cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con chung, chị L không có yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét; về tài sản chung và nợ chung vợ chồng không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Quan hệ pháp luật: Chị L yêu cầu ly hôn với anh Đ và yêu cầu giải quyết về con chung khi ly hôn nên quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”.

Chị và anh Đ chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tây Yên, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang theo quy định của pháp luật, do đó hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị L, Hội đồng xét xử xét thấy: Qua lời trình bày của chị L và kết quả xác minh tại địa phương có cơ sở để nhận định trong quá trình chung sống chị L và anh Đ đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Đ có hành vi bạo hành vợ và ngoại tình, vợ chồng thường xảy ra cự cãi bất hòa hôn nhân không còn hạnh phúc. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã mở phiên hòa giải để hòa giải đoàn tụ nhưng anh Đ không đến hòa giải đoàn tụ, không thể hiện thiện chí hàn gắn hôn nhân. Từ đó có cơ sở để nhận định mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu của chị L, cho chị được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Anh chị có hai con chung tên Nguyễn Ngọc Khả V, sinh ngày 25/8/2013 và Nguyễn Ngọc Mộng N, sinh ngày 03/5/2017 đều đang sống với mẹ và cháu Nguyễn Ngọc Khả V có nguyện vọng được sống với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Qua xác minh từ chính quyền địa phương và trình bày của chị L thể hiện hiện nay chị L có công việc có thu nhập để nuôi dưỡng các con chung đồng thời anh Đ cũng không có ý kiến phản đối việc chị L có nguyện vọng được nuôi các con chung, do đó Hội đồng xét xử thống nhất giao các cháu Nguyễn Ngọc Khả V, sinh ngày 25/8/2013 và Nguyễn Ngọc Mộng N, sinh ngày 03/5/2017 cho chị L nuôi dưỡng sau khi chị L và anh Đ ly hôn là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của chị L không yêu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Chị L xác định không có, các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ Điều 144 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc chị L là nguyên đơn nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề nghị hướng giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát huyện An Biên tại phiên tòa là có cơ sở và căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử đã xem xét và ghi nhận trong quá trình giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Áp dụng vào khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Bé L.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Võ Thị Bé L và anh Nguyễn Thanh Đ.

2. Về con chung: Giao các cháu Nguyễn Ngọc Khả V, sinh ngày 25/8/2013 và Nguyễn Ngọc Mộng N, sinh ngày 03/5/2017 cho chị Võ Thị Bé L nuôi dưỡng sau khi chị Võ Thị Bé L và anh Nguyễn Thanh Đ ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Võ Thị Bé L không yêu anh Nguyễn Thanh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm nom và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế

quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết anh, chị có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Chị Võ Thị Bé L xác định không có, các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Võ Thị Bé L có nghĩa vụ nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008758 ngày 25/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Chị Võ Thị Bé L đã nộp đủ án phí.

5. Báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự"./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã Tây Yên;
- Lưu, HS, VP.

(Đã ký)

Đinh Thị Thơm